

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2026/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 02 năm 2026

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hồ Xuân Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà **Cao Thị Hằng**

2. Ông **Hồ Văn Hào**

-Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Huyền Thương** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Nghệ An tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2025/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm: 1989 (Có mặt)

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Khối Tân An, phường Tây Hiếu, tỉnh Nghệ An

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn T**, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Xóm Đ, xã Đ, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: Đài Loan (không xác định được địa chỉ cụ thể)

- Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Ông **Trần Mạnh H2**, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18/8/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H thống nhất trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh **Phan Văn T** đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 5 năm 2016 tại UBND xã Đ, thị xã T (nay là xã Đ), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị

và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hạnh phúc với nhau được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh T là do hai bên không có tiếng nói chung, suy nghĩ, cách sống và các mối quan hệ cũng khác nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Đến năm 2019 thì chị đi lao động ở Nhật Bản còn anh T đi lao động ở Đài Loan và hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chị và anh T sống ly thân thì hai bên có liên lạc với nhau thông qua mạng xã hội nhưng không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Chị và anh Phan Văn T có một con chung tên là Phan Ngọc An N, sinh ngày 21/02/2017, chị và anh T không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của chị và anh T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị và anh Phan Văn T không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay cũng như không vay nợ ai tài sản gì nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phan Văn T hiện đang ở nước ngoài và không xác định được địa chỉ nên Tòa án đã hai lần gửi văn bản yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy S là mẹ đẻ của anh T cung cấp địa chỉ của anh T cũng như thông báo cho anh T biết về việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Qua quá trình làm việc với bà S thì được bà S cho biết như sau: Anh T1 hiện đang lao động ở Đài Loan thường xuyên liên lạc về cho bà nên bà đã thông báo cho anh T1 biết việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nuôi con chung với anh T1, đồng thời yêu cầu anh T1 cung cấp địa chỉ của anh T1 tại Đài Loan. Tuy nhiên anh T1 thường xuyên thay đổi nơi làm việc nên không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung thì anh T1 đồng ý ly hôn với chị H, anh cũng đồng ý giao con chung của anh và chị H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục còn nếu chị H không nuôi được thì anh sẽ nuôi dưỡng. Anh T1 và chị H không có tài sản chung nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 07 tháng 01 năm 2026, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Trần Mạnh H2 thống nhất trình bày như sau:

Từ năm 2019 đến tháng 8 năm 2025 chị H, anh T1 có nhờ ông, bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Ngọc An N do anh T1, chị H lao động ở nước ngoài. Trong thời gian ông, bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N thì chị H có gửi tiền về cho ông, bà để chi phí cho việc nuôi dưỡng cháu N do đó nay anh T1, chị H ly hôn thì ông, bà không yêu cầu anh T1, chị H phải thanh toán tiền chi phí nuôi con của anh T1 và chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc thu thập chứng cứ xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phan Ngọc An N, sinh ngày 21/02/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí nuôi cháu Phan Ngọc An N: Bà H1, ông H2 không yêu cầu anh T, chị H trả chi phí nuôi cháu N nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản: Chị Trần Thị H, anh Phan Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An giải quyết ly hôn với anh Phan Văn T đăng ký thường trú tại xóm Đ, xã Đ, tỉnh Nghệ An. Anh Phan Văn T hiện đang ở nước ngoài chưa nhập cảnh về Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An theo khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2025) Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Công văn số 4704/QLXNC-Đ1 ngày 10/11/2025 của Phòng Q Công an tỉnh N và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thúy S là mẹ đẻ của anh Phan Văn T thì có căn cứ xác định hiện nay anh T đang cư trú tại nước ngoài và vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng thân nhân của anh T cũng không cung cấp địa chỉ của anh T cho Tòa án. Do đó, việc anh T vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Trần Mạnh H2 vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; Điều 238 của BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị H và anh Phan Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2016 tại UBND xã Đ, thị xã T (nay là xã Đ), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị H, anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa chị H, anh T là hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, yêu cầu ly hôn của chị H, thấy rằng: Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do hai bên không có tiếng nói chung, suy nghĩ khác nhau, cách sống và các mối quan hệ cũng khác nhau nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương mặc dù không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn, nguyên nhân tranh chấp nhưng thể hiện anh T, chị H hiện không còn sống chung với nhau nữa. Mặt khác thông qua xác minh với bà Nguyễn Thị Thúy S (mẹ đẻ anh T) thể hiện ý kiến của anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định trong quá trình chung sống chị H, anh T đã xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân, không còn ai quan tâm chăm sóc tới nhau nữa nên mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3]. *Về nuôi con chung*: Chị Trần Thị H và anh Phan Văn T có một con chung tên là Phan Ngọc An N, sinh ngày 21/02/2017, không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi. Căn cứ vào biên bản xác minh cũng như lời trình bày của bà S (mẹ đẻ anh T) thể hiện cháu N hiện đang ở với chị H. Mặt khác nguyện vọng của cháu N cũng muốn ở với chị H khi chị H, anh T ly hôn. Hơn nữa nay ly hôn chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị H cũng có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó để bảo đảm quyền lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên nên giao cháu Phan Ngọc An N cho chị Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này chị H có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[5]. *Chi phí nuôi cháu Phan Ngọc An N*: Trong thời gian anh T, chị H lao động ở nước ngoài từ năm 2019 đến tháng 8 năm 2025 bà Nguyễn Thị H1 và ông Trần Mạnh H2 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phan Ngọc An N tuy nhiên ông, bà không yêu cầu anh T, chị H trả chi phí nuôi cháu Phan Ngọc An N nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về chia tài sản*: Chị Trần Thị H không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí LHST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 469; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; các Điều 238; 266; 271; 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2025); Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82;

83; 84; 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phan Văn T

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H, anh T là Phan Ngọc An N, sinh ngày 21/02/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị H1, ông Trần Mạnh H2 không yêu cầu anh T, chị H trả chi phí nuôi cháu Phan Ngọc A Nhiên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Anh Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cấm, cản trở.

2.3. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Trần Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002166 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh N (Chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí).

Nguyên đơn chị Trần Thị H có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Trần Mạnh H2 vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn anh Phan Văn T đang cư trú ở nước ngoài, vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
 - VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
 - TAND tỉnh Nghệ An;
 - THADS tỉnh Nghệ An;
 - UBND xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An
- (đề ghi vào sổ hộ tịch, giấy CNKH số 25 ngày 16/5/2016);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Quyền

